

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 40

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - Đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 1426/QĐ-BXD ngày 16/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty chuyển sang mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000323 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 29/12/2006, sau đổi thành Mã số doanh nghiệp 3500101298, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 05/12/2014.

Tổng số vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh là: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng), được chia thành 5.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng).

Trụ sở chính của Công ty: Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Ngọc Dũng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 24/4/2015)
	Ông Lê Thanh Tùng	Ủy viên
	Ông Hồ Minh Toàn	Ủy viên
	Ông Trần Thanh Lâm	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 10/06/2016)
	Ông Trần Thanh Kiều	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 10/06/2016)
	Ông Phạm Văn Thịnh	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 10/06/2016)
	Ông Đoàn Đắc Hiếu	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 10/06/2016)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Lê Thanh Tùng	Giám đốc
	Ông Trần Thanh Kiều	Phó Giám đốc
	Ông Đoàn Đắc Hiếu	Phó Giám đốc
	Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



Lê Thanh Tùng
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 10 tháng 3 năm 2017

Số: 176/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
của Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO, được lập ngày 10 tháng 03 năm 2017, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 17/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Tiến Trình
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1806-2015-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		474.626.765.084	372.504.292.596
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	57.349.424.511	9.108.199.663
1. Tiền	111		43.349.424.511	5.108.199.663
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.000.000.000	4.000.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		242.111.356.164	183.439.100.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	10.676.000.000	20.439.100.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	231.435.356.164	163.000.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		105.294.419.163	63.959.037.075
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	67.814.367.278	43.735.903.766
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		35.316.963.863	11.740.503.382
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	3.923.188.732	10.191.957.089
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(1.760.100.710)	(1.709.327.162)
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	56.533.306.787	101.436.104.385
1. Hàng tồn kho	141		56.533.306.787	101.436.104.385
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		13.338.258.459	14.561.851.473
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	119.493.978	138.315.703
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.218.764.481	14.423.535.770
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		413.203.765.810	371.854.692.203
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	223.745.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	223.745.000
II Tài sản cố định	220		304.713.329.163	308.536.005.416
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	56.925.136.231	56.455.461.988
- Nguyên giá	222		95.912.934.937	91.788.839.888
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.987.798.706)	(35.333.377.900)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	247.788.192.932	252.080.543.428
- Nguyên giá	228		277.098.698.820	277.098.698.820
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.310.505.888)	(25.018.155.392)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		97.569.098.674	51.725.963.340
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	97.569.098.674	51.725.963.340
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	9.946.863.923	1.491.299.229
1. Đầu tư vào công ty con	251		8.675.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.778.116.000	2.778.116.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.506.252.077)	(1.286.816.771)
VI Tài sản dài hạn khác	260		974.474.050	9.877.679.218
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	974.474.050	9.877.679.218
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		887.830.530.894	744.358.984.799

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		818.390.208.845	679.367.464.510
I- Nợ ngắn hạn	310		126.899.679.356	42.541.060.915
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	27.019.999.750	24.408.710.888
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		83.382.969.067	9.697.853.517
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.946.077.417	487.755.897
4. Phải trả người lao động	314		520.020.195	212.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	8.961.393.226	3.118.116.821
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	3.084.937.462	2.966.752.700
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	1.400.868.000	1.400.868.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		57.067.993	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		526.346.246	249.003.092
II- Nợ dài hạn	330		691.490.529.489	636.826.403.595
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.17	688.614.387.009	632.974.007.595
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.16	2.451.528.000	3.852.396.000
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		424.614.480	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		69.440.322.049	64.991.520.289
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	69.440.322.049	64.991.520.289
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.850.831.250	6.038.366.356
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.589.490.799	8.953.153.933
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		1.571.963.613	828.504.988
- LNST chưa phân phối kì này	421b		11.017.527.186	8.124.648.945
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300+400)	440		887.830.530.894	744.358.984.799

Vũng Tàu, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Lựu

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Lê Thanh Tùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	275.141.919.905	246.915.017.333
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	275.141.919.905	246.915.017.333
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	258.497.013.771	232.096.003.379
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		16.644.906.134	14.819.013.954
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	15.437.061.451	14.860.863.465
7. Chi phí tài chính	22	5.22	1.217.424.125	2.532.165.302
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>960.442.477</i>	<i>993.665.214</i>
8. Chi phí bán hàng	24	5.23	148.925.164	500.193.956
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.24	14.288.040.027	14.107.941.628
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		16.427.578.269	12.539.576.533
11. Thu nhập khác	31	5.25	13.080.774.994	452.395.802
12. Chi phí khác	32	5.25	17.464.378.967	4.325.160.393
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(4.383.603.973)	(3.872.764.591)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		12.043.974.296	8.666.811.942
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	798.447.110	302.162.997
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		11.245.527.186	8.364.648.945
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.27	<u>2.049</u>	<u>1.511</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.27	<u>2.049</u>	<u>1.511</u>

Vũng Tàu, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Lựu

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Lê Thanh Tùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.043.974.296	8.666.811.942
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	9.245.162.878	8.034.347.551
- Các khoản dự phòng	03	751.891.327	1.460.938.944
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	25.660.629	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(9.379.701.992)	(14.742.522.798)
- Chi phí lãi vay	06	960.442.477	993.665.214
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	13.647.429.615	4.413.240.853
- Biến động các khoản phải thu	09	(40.007.639.347)	(8.340.117.500)
- Biến động hàng tồn kho	10	42.869.712.589	(53.093.269.904)
- Biến động các khoản phải trả	11	127.809.272.246	114.987.077.785
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	8.922.026.893	1.012.825.860
- Tăng/giảm chứng khoán kinh doanh	13	9.763.100.000	6.909.982.000
- Tiền lãi vay đã trả	14	(960.442.477)	(1.297.829.127)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	840.555.870	(352.866.053)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	17.850.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(343.179.472)	(591.645.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	162.558.685.917	63.647.398.914
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(46.114.758.670)	(9.750.288.185)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	760.909.091	3.318.182
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(151.435.356.164)	(95.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	83.000.000.000	24.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.745.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	486.850.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.658.077.803	12.342.640.798
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(108.876.127.940)	(67.917.479.205)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	151.318.433.860
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.400.868.000)	(152.719.301.860)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.014.804.500)	(5.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.415.672.500)	(6.900.868.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	48.266.885.477	(11.170.948.291)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.108.199.663	20.279.147.954
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	(25.660.629)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	57.349.424.511	9.108.199.663

Người lập



Nguyễn Thị Lựu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Vũng Tàu, ngày 10 tháng 03 năm 2017



Lê Thanh Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - Đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty IDICO”) theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 1426/QĐ-BXD ngày 16/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty chuyển sang mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000323 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 29/12/2006, sau đổi thành Mã số doanh nghiệp 3500101298, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 05/12/2014.

Tổng số vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh là: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng), được chia thành 5.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng).

Sở hữu vốn:

	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Tổng Công ty IDICO	2.550.000	25.500.000.000	51%
Các cổ đông khác	2.450.000	24.500.000.000	49%
Tổng	5.000.000	50.000.000.000	100 %

Trụ sở chính của Công ty: Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Số lao động tại ngày 31/12/2016 là: 146 người (tại ngày 31/12/2015 là: 154 người).

1.2 Các đơn vị trực thuộc Công ty

- a. Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO - Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hạ tầng IDICO - CONAC được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 207/QĐ-CT ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị phụ thuộc số 3500101298-025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, đăng ký thay đổi lần 04 ngày 05 tháng 12 năm 2013.

Địa chỉ: Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- b. Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO - Xí nghiệp Du lịch Thương mại Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 27/QĐ-CT ngày 08 tháng 01 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị phụ thuộc số 3500101298-021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, đăng ký thay đổi lần 06 ngày 19 tháng 11 năm 2015.

Địa chỉ: Số 04, đường Thùy Vân, phường 8, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- c. Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO tại thành phố Hồ Chí Minh được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 298/QĐ-CT ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị phụ thuộc số 3500101298-026 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 01 tháng 12 năm 2016.

Địa chỉ: 14B Kỳ Đồng, phường 09, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

1.3 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình thủy điện, điện, nước, cầu cảng, buru chính viễn thông, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng các dự án theo các hình thức: Xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), Xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), Xây dựng - chuyển giao (BT), Xây dựng - kinh doanh (BO);
- Đầu tư kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí;
- Xây dựng các công trình điện hạ thế, trung thế đến 35KV;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kinh doanh vận tải, xăng, dầu, nhớt, nước, điện;
- Vận tải hàng hóa bằng đờng bộ;
- Kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho công nghiệp xây dựng;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Sản xuất và kinh doanh nguyên liệu và vật liệu xây dựng;
- Gia công cơ khí và kết cấu thép các loại;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng, suất ăn công nghiệp;
- Mua bán trang thiết bị bảo hộ lao động;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng - công nghiệp;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị.
- Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, nhà hàng
- Duy tu bảo dưỡng, sửa chữa công trình cầu và đờng bộ;
- Lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật gắn liền với các công trình giao thông như hệ thống chiếu sáng, thoát nước, vỉa hè, cây xanh;
- Dịch vụ vệ sinh công nghiệp trong KCN của Công ty;
- Cung cấp dịch vụ trồng và chăm sóc cây xanh;
- Trồng cây hàng năm, cây lâu năm.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2016: Thi công xây dựng các công trình; cho thuê khu công nghiệp; sản xuất và kinh doanh nguyên liệu và vật liệu xây dựng; đầu tư kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh đợc.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), như: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác;

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị ghi sổ theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...
- Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2016 (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	20 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Thiết bị văn phòng	06 - 08
Phương tiện vận tải	08 - 10

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại Số 326 Nguyễn An Ninh, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu. Theo quy định, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác là giá trị chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng của Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1. Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo thời gian được giao đất.

Theo Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc điều chỉnh thời hạn thuê đất từ 41 năm lên 55 năm, kể từ ngày 9 tháng 10 năm 2007 (ngày Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO nhận bàn giao doanh nghiệp Công ty Xây dựng Dầu khí từ Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam) liên quan đến Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế. Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh Vật liệu xây dựng, xây lắp, cho thuê Khu công nghiệp, dịch vụ khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.227.424.065	1.985.552.092
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42.122.000.446	3.122.647.571
Tương đương tiền	14.000.000.000	4.000.000.000
Tổng	57.349.424.511	9.108.199.663

5.2 Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016 (VND)			01/01/2016 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	10.676.000.000	19.110.040.000	-	20.439.100.000	28.819.131.000	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	10.676.000.000	19.110.040.000	-	20.439.100.000	28.819.131.000	-
Tổng	10.676.000.000	19.110.040.000	-	20.439.100.000	28.819.131.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B 09-DN****5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ tại các Ngân hàng thương mại. Thời hạn không quá 12 tháng và lãi suất theo hợp đồng cho vay tín dụng.

5.4 Các khoản phải thu khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	67.814.367.278	43.735.903.766
Ban Quản lý Dự án Giao thông 2	5.274.974.439	7.580.110.574
Ban Quản lý dự án cải tạo Kênh Ba Bò	-	10.585.831.245
Công ty TNHH may Thiên Kim	10.537.743.600	10.537.743.600
Ban Quản lý đầu tư Xây dựng Công trình Huyện Hóc Môn	3.117.756.691	3.117.756.691
Công ty Cổ phần Phát triển Đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	5.344.910.180	4.069.005.060
Ban quản lý Dự án Công trình giao thông	15.688.776.000	1.006.667.000
Ban Quản lý đầu tư Xây dựng Công trình Quận 7	14.475.203.577	-
Khu quản lý giao thông đô thị số 1	3.715.729.159	1.628.185.930
DNTN gạch gói Hợp Nhật Thành	3.000.000.000	187.970.406
Các đối tượng còn lại	6.659.273.632	5.022.633.260
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Trong đó số dư các bên liên quan	5.344.910.180	4.069.005.060
Công ty Cổ phần Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	5.344.910.180	4.069.005.060
Tổng	67.814.367.278	43.735.903.766

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.5 Các khoản phải thu khác

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Cao thị Mỹ Linh	3.923.188.732	180.867.042	10.191.957.089	184.310.842
Nguyễn Lương	1.400.000.000	-	1.400.000.000	-
Huỳnh Thị Hương	-	-	1.200.000.000	-
Đào Thị Thửa	508.000.000	-	508.000.000	-
Ngân hàng ĐT và Phát triển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1.063.000.000	-	1.063.000.000	-
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	-	1.811.283.333	-
Tạm ứng	-	-	223.745.000	-
Phải thu khác	316.322.982	-	859.677.716	-
b) Dài hạn				
	635.865.750	180.867.042	3.126.251.040	184.310.842
	-	-	-	-
Tổng	3.923.188.732	180.867.042	10.191.957.089	184.310.842

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.928.576	-	14.101.303	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	52.434.460.400	-	101.417.245.103	-
Hàng hóa	4.084.917.811	-	4.757.979	-
Tổng	56.533.306.787	-	101.436.104.385	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa		Máy móc		Phương tiện		Thiết bị		TSCĐ hữu		Tổng
	vật kiến trúc	thiết bị	vận tải	dụng cụ quản lý	hình khác						
Số dư tại 01/01/2016	81.086.550.455	2.511.567.097	6.425.505.907	168.605.001	1.596.611.428	91.788.839.888					
Tăng trong năm	5.209.371.645	577.590.909	4.399.808.973	-	-	10.186.771.527					
Mua trong năm	3.003.411.000	577.590.909	4.399.808.973	-	-	7.980.810.882					
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.205.960.645	-	-	-	-	2.205.960.645					
Giảm trong năm	(3.644.428.145)	-	(2.418.248.333)	-	-	(6.062.676.478)					
Thanh lý nhượng bán	-	-	(1.085.515.060)	-	-	(1.085.515.060)					
Góp vốn đầu tư	(3.644.428.145)	-	(1.332.733.273)	-	-	(4.977.161.418)					
Số dư tại 31/12/2016	82.651.493.955	3.089.158.006	8.407.066.547	168.605.001	1.596.611.428	95.912.934.937					
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ											
Số dư tại 01/01/2016	30.104.490.613	897.864.562	2.922.903.794	100.480.004	1.307.638.927	35.333.377.900					
Tăng trong năm	3.834.463.206	263.968.748	756.393.760	19.900.000	78.086.668	4.952.812.382					
Khấu hao trong năm	3.834.463.206	263.968.748	756.393.760	19.900.000	78.086.668	4.952.812.382					
Giảm trong năm	(236.887.839)	-	(1.061.503.737)	-	-	(1.298.391.576)					
Thanh lý nhượng bán	-	-	(583.940.981)	-	-	(583.940.981)					
Góp vốn đầu tư	(236.887.839)	-	(477.562.756)	-	-	(714.450.595)					
Số dư tại 31/12/2016	33.702.065.980	1.161.833.310	2.617.793.817	120.380.004	1.385.725.595	38.987.798.706					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
Tại ngày 01/01/2016	50.982.059.842	1.613.702.535	3.502.602.113	68.124.997	288.972.501	56.455.461.988					
Tại ngày 31/12/2016	48.949.427.975	1.927.324.696	5.789.272.730	48.224.997	210.885.833	56.925.136.231					

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Tài sản cố định vô hình

				<i>Đơn vị tính: VND</i>
	Quyền sử dụng đất (vô thời hạn)	Quyền sử dụng đất (có thời hạn 50 năm)	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2016	51.344.488.700	226.997.454	225.527.212.666	277.098.698.820
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	<u>51.344.488.700</u>	<u>226.997.454</u>	<u>225.527.212.666</u>	<u>277.098.698.820</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2016	-	61.556.129	24.956.599.263	25.018.155.392
Tăng trong năm	-	6.155.028	4.286.195.468	4.292.350.496
Khấu hao trong năm	-	6.155.028	4.286.195.468	4.292.350.496
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	<u>-</u>	<u>67.711.157</u>	<u>29.242.794.731</u>	<u>29.310.505.888</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2016	<u>51.344.488.700</u>	<u>165.441.325</u>	<u>200.570.613.403</u>	<u>252.080.543.428</u>
Tại 31/12/2016	<u>51.344.488.700</u>	<u>159.286.297</u>	<u>196.284.417.935</u>	<u>247.788.192.932</u>

5.9 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Chi mua sắm	-	-
b) Chi xây dựng cơ bản dở dang	97.569.098.674	51.725.963.340
Dự án KCN Mỹ Xuân B1	73.356.613.732	21.717.833.891
Dự án khu cao ốc 326 Nguyễn An Ninh	22.673.769.533	22.673.769.533
Dự án Đầu tư Bãi tắm Long Hải	1.538.715.409	1.269.641.509
Dự án Nhà ở xã hội	-	808.445.983
Dự án mở vật liệu xây dựng	-	5.256.272.424
c) Chi sửa chữa	-	-
Tổng	<u>97.569.098.674</u>	<u>51.725.963.340</u>

5.10 Chi phí trả trước

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	119.493.978	138.315.703
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	119.493.978	138.315.703
b) Dài hạn	974.474.050	9.877.679.218
Các khoản khác	-	9.877.679.218
Chi phí đầu tư khai thác mỏ sét	-	8.789.803.926
Công cụ dụng cụ	633.408.307	252.465.619
Phí sử dụng thương hiệu "IDICO"	-	133.333.333
Chi phí sửa chữa	242.559.128	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	98.506.615	702.076.340
Tổng	<u>1.093.968.028</u>	<u>10.015.994.921</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẦU KHÍ IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

Mẫu B 09-DN

Tỷ lệ 31/12/2016 (VND)

01/01/2016 (VND)

Đơn vị tính: VND

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)								
1. Đầu tư vào Công ty con										
Công ty TNHH MTV Kiểm định Xây dựng An Hòa	100%	100%		8.675.000.000	8.675.000.000	-		-	-	-
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết										
Công ty TNHH LESCO REPORT	40%	40%		2.778.116.000	1.271.863.923	1.506.252.077		2.778.116.000	1.491.299.229	1.286.816.771
Tổng				11.453.116.000	9.946.863.923	1.506.252.077		2.778.116.000	1.491.299.229	1.286.816.771

5.12 Phải trả người bán

31/12/2016 (VND)

01/01/2016 (VND)

a) Ngắn hạn	Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị ghi sổ	trả nợ	
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Đất Việt	27.019.999.750	27.019.999.750	24.408.710.888
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Seen	2.231.599.403	2.231.599.403	3.230.586.754
Công ty TNHH Thế Anh Hòa	1.417.746.300	1.417.746.300	1.817.746.300
Các đối tượng còn lại	-	-	1.775.492.990
b) Dài hạn	23.370.654.047	23.370.654.047	17.584.884.844
Tổng	27.019.999.750	27.019.999.750	24.408.710.888
Trong đó phải trả bên liên quan	168.798.230	168.798.230	126.638.231
XN khai thác và KDVLXD IDICO-LINCO	150.765.923	150.765.923	108.605.924
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	18.032.307	18.032.307	18.032.307

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	01/01/2016 (VNĐ)		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		Biến động khác 31/12/2016 (VNĐ)	
Phải nộp	487.755.897	10.221.861.599	(8.763.540.079)	-	1.946.077.417			
Thuế GTGT	64.414.080	6.372.849.245	(4.819.812.764)	-	1.617.450.561			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	212.533.677	798.447.110	(840.555.870)	-	170.424.917			
Thuế thu nhập cá nhân	210.808.140	488.088.455	(540.694.656)	-	158.201.939			
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.324.990.608	(1.324.990.608)	-	-			
Các loại thuế khác	-	71.417.181	(71.417.181)	-	-			
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.166.069.000	(1.166.069.000)	-	-			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	8.961.393.226	3.118.116.821
Công trình Mở rộng Quốc lộ 51	4.304.811.753	2.890.380.961
Cụm bể chính Trạm xử lý nước thải	-	227.735.860
Công trình nâng cấp đường NB15+15A	292.465.013	-
Công trình Xây dựng nhà ở XH 334	1.600.597.938	-
Sửa chữa Khánh sạn Thùy Dương	8.788.153	-
Sửa chữa văn phòng công ty	2.500.000.000	-
Công trình Cống Hộp	75.195.243	-
Công trình Nguyễn Huệ	179.535.126	-
b) Dài hạn	-	-
Tổng	8.961.393.226	3.118.116.821

5.15 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.084.937.462	2.966.752.700
Kinh phí công đoàn	44.219.757	47.271.152
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	539.203.314	560.273.314
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.501.514.391	2.359.208.234
b) Dài hạn	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Tổng	3.084.937.462	2.966.752.700

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ban bồi thường GPMB Huyện Tân Thành	300.822.733	71.893.531
Lê Đức Hiện	-	100.000.000
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	1.388.175.539	1.278.175.539
Hoàng Thanh Thảo	204.761.525	204.761.525
Các khoản phải trả khác	607.754.594	704.377.639
Tổng	2.501.514.391	2.359.208.234

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2016 (VND)		Trong năm		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.400.868.000	1.400.868.000	1.400.868.000	1.400.868.000	1.400.868.000	1.400.868.000
Quy bảo vệ môi trường Việt Nam	1.400.868.000	1.400.868.000	1.400.868.000	1.400.868.000	1.400.868.000	1.400.868.000
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.451.528.000	2.451.528.000	-	1.400.868.000	3.852.396.000	3.852.396.000
Quy Bảo vệ môi trường Việt Nam	2.451.528.000	2.451.528.000	-	1.400.868.000	3.852.396.000	3.852.396.000
Tổng	3.852.396.000	3.852.396.000	1.400.868.000	2.801.736.000	5.253.264.000	5.253.264.000

Công ty vay dài hạn của Quy bảo vệ môi trường Việt Nam theo Hợp đồng Tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường số 11-12/TTD-QMT/IDICO ngày 17/08/2012. Trị giá Hợp đồng vay: 10.000.000.000 đồng với thời hạn vay: 84 tháng tính từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Mục đích vay: Vốn vay để thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải KCN Mỹ Xuân B1, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu". Lãi suất cho vay: 5,4%/năm, lãi suất cố định trong thời hạn vay. Bảo đảm tiền vay: khoản vay này được đảm bảo bằng Bảo lãnh của Ngân hàng. Kỳ hạn trả lãi được quy định vào ngày 25 hàng tháng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	688.614.387.009	632.974.007.595
Doanh nghiệp tư nhân Hợp Nhật Thành	787.964.801	3.366.758.707
Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Diệp	197.793.133	232.191.940
Công ty TNHH may Thiên Kim	14.154.629.123	15.912.960.151
Công ty TNHH Công nghiệp nặng VINA-HALLA	74.628.452.510	77.008.794.514
Công ty Cổ phần Thép QUATRON	32.316.268.287	33.342.695.463
Công ty TNHH Dobra Châu á	21.391.298.225	19.225.413.826
Công ty TNHH Nhôm Toàn cầu Việt nam	461.847.317.247	416.366.204.933
Công ty TNHH EWIC Việt Nam	18.589.373.626	18.999.430.211
Công ty TNHH Twinkle Việt Nam	34.895.439.317	35.663.764.820
Công ty TNHH COURT Việt Nam	12.580.812.086	12.855.793.030
Công ty TNHH SHL ASEAN	5.486.086.496	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Võ Đình	11.738.952.158	-
c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng	-	-
Tổng	688.614.387.009	632.974.007.595

Doanh thu nhận trước liên quan đến các hợp đồng cho thuê đất khu công nghiệp. Doanh thu thuê đất hàng năm sẽ tính toán và ghi nhận vào doanh thu cho thuê trong năm theo phương pháp đường thẳng trên cơ sở thời gian cho thuê đất trên hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	50.000.000.000	5.383.366.500	7.442.004.744	62.825.371.244
Tăng trong năm	-	654.999.856	8.364.648.945	9.019.648.801
Lãi hoạt động kinh doanh	-	-	8.364.648.945	8.364.648.945
Phân phối lợi nhuận	-	654.999.856	-	654.999.856
Giảm trong năm	-	-	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	654.999.856	654.999.856
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	458.499.900	458.499.900
Chia cổ tức năm 2014	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000
Phụ cấp HDQT và BSK năm 2015	-	-	240.000.000	240.000.000
Số dư tại 31/12/2015	50.000.000.000	6.038.366.356	8.953.153.933	64.991.520.289
Số dư tại 01/01/2016	50.000.000.000	6.038.366.356	8.953.153.933	64.991.520.289
Tăng trong năm	-	812.464.894	11.245.527.186	12.057.992.080
Lãi kinh doanh trong năm	-	-	11.245.527.186	11.245.527.186
Phân phối lợi nhuận (*)	-	812.464.894	-	812.464.894
Giảm trong năm	-	-	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	7.609.190.320	7.609.190.320
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	812.464.894	812.464.894
Chia cổ tức năm 2015 (*)	-	-	568.725.426	568.725.426
Phụ cấp HDQT và BSK năm 2016	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Số dư tại 31/12/2016	50.000.000.000	6.850.831.250	12.589.490.799	69.440.322.049

(*) Trong năm, Công ty phân phối quỹ năm 2015 căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 theo Nghị quyết số 02/NQ-CT ngày 10/06/2016. Theo đó, Công ty trích lập quỹ đầu tư phát triển là 10%; quỹ khen thưởng phúc lợi là 7% và chia cổ tức là 12% trên vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt nam - TNHH MTV	25.500.000.000	25.500.000.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	24.500.000.000	24.500.000.000
Tổng	50.000.000.000	50.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.000.000.000	5.500.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ Công ty

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.850.831.250	6.038.366.356
Tổng	6.850.831.250	6.038.366.356

5.19 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng hóa	18.099.115.497	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	39.211.722.615	31.439.204.572
Doanh thu thi công xây lắp	217.831.081.793	215.475.812.761
Tổng	275.141.919.905	246.915.017.333

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.20 Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	17.885.763.767	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	28.289.637.499	21.924.306.475
Giá vốn thi công xây lắp	212.321.612.505	210.171.696.904
Tổng	258.497.013.771	232.096.003.379

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.376.957.803	8.292.346.798
Lãi bán các khoản đầu tư	6.261.356.000	2.399.882.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.281.120.000	4.050.294.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	25.660.629	118.340.667
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	491.967.019	-
Tổng	15.437.061.451	14.860.863.465

5.22 Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	960.442.477	993.665.214
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	2.889.359
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	219.435.306	1.286.816.771
Các khoản ghi giảm chi phí tài chính	37.546.342	248.793.958
Tổng	1.217.424.125	2.532.165.302

5.23 Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	-	322.979.967
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	-	18.010.318
Chi phí khấu hao TSCĐ	23.473.580	53.525.784
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.451.584	89.104.705
Chi phí bằng tiền khác	-	16.573.182
Tổng	148.925.164	500.193.956

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.792.405.972	7.228.825.293
Chi phí vật liệu quản lý	-	35.313.455
Chi phí đồ dùng văn phòng	87.297.796	118.195.156
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.151.703.532	962.526.258
Thuế phí và lệ phí	196.998.019	160.315.949
Chi phí dự phòng	50.773.548	174.122.173
Chi phí dịch vụ mua ngoài	408.574.690	169.336.760
Chi phí bằng tiền khác	4.600.286.470	5.259.306.584
Tổng	14.288.040.027	14.107.941.628

5.25 Lợi nhuận khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	230.970.921	3.318.182
Các khoản khác (*)	12.849.804.073	449.077.620
Tổng	13.080.774.994	452.395.802
<i>Chi phí khác</i>		
Các khoản khác (**)	17.464.378.967	4.325.160.393
Tổng	17.464.378.967	4.325.160.393
Thu nhập khác thuần	(4.383.603.973)	(3.872.764.591)

(*) Trong đó thu nhập từ việc chuyển nhượng quyền khai thác Mỏ sét MX2 là 10.897.814.754 đồng

(**) Trong đó chi phí liên quan đến chuyển nhượng quyền khai thác Mỏ sét MX2 là 10.615.373.764 đồng.

5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1.1 Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.043.974.296	8.666.811.942
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>490.334.564</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>490.334.564</i>	<i>-</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>1.281.120.000</i>	<i>4.050.294.000</i>
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	<i>1.281.120.000</i>	<i>4.050.294.000</i>
Thu nhập chịu thuế	11.253.188.860	4.616.517.942
Thu nhập từ hoạt động SXKD	1.494.416.392	419.630.000
Thu nhập từ chuyển nhượng dự án không được bù trừ với thu nhập khác	(232.504.164)	-
Thu nhập từ hoạt động cho thuê đất	9.991.276.632	4.196.887.942
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	<i>20%</i>	<i>22%</i>
<i>Thuế suất thuế TNDN ưu đãi</i>	<i>10%</i>	<i>10%</i>
Thuế thu nhập được miễn giảm	499.563.832	209.844.397
Thuế TNDN hiện hành	798.447.110	302.162.997

5.27 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.245.527.186	8.364.648.945
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(228.000.000)	(240.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.017.527.186	8.124.648.945
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.000.000	5.000.000
Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	771.226.903	568.725.426
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.049	1.511
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.049	1.511

(*) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 theo Nghị Quyết số 02/NQ-CT ngày 10/06/2016. Theo đó, Công ty dự kiến trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi là 7% trong kế hoạch phân phối lợi nhuận của năm 2016.

010
NG
NH
TO
IETI
NỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B 09-DN****6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2016		Năm 2015	
		VND	VND	VND	VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	2.666.983.371		2.454.214.879	

Giao dịch bán với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2016		Năm 2015	
			VND	VND	VND	VND
Giao dịch bán						
1. Tổng Công ty Dầu tư Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO)	Công ty mẹ		-		435.591.192	
2. Công ty Cổ phần Dầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO		-		58.422.000	
3. Công ty Cổ phần Dầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO		1.281.120.000		3.991.872.000	
4. Công ty Cổ phần Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	LD-LK Tổng IDICO		12.420.744.425		7.384.999.039	
5. Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO		-		412.823.803	
6. Công ty TNHH MTV kiểm định xây dựng An Hòa	Công ty con	Góp vốn bằng tài sản	4.930.000.000		-	

Tổng			18.631.864.425		12.283.708.034	
-------------	--	--	-----------------------	--	-----------------------	--



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẦU KHÍ IDICO

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch mua với bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Giao dịch mua				
1. Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị & KCN Việt Nam - TNHH Một thành viên	Công ty mẹ	-	-	5.355.125.519
2. XN khai thác và KDVLXD IDICO-LINCO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	137.059.930	1.367.825.369	-
3. Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	-	929.839.821	-
5. Công ty TNHH MTV Kiểm định xây dựng An Hòa	Công ty con	Dịch vụ tư vấn và xây lắp	35.317.553.981	21.818.182
		Mua tài sản	497.218.063	-
Tổng			35.951.831.974	7.674.608.891

Giao dịch khác với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Giao dịch khác				
1. Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam (IDICO) - TNHH MTV	Công ty mẹ	Chia cổ tức	3.060.000.000	4.805.570.000
		Phí kiểm toán	100.000.000	95.000.000
		Xây lắp	-	454.555.519
2. Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Khảo sát thi công	-	-
3. Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Nhận cổ tức	1.281.120.000	-
Tổng			4.441.120.000	5.355.125.519



6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

Số dư phải thu và phải trả khác các bên liên quan

Bên liên quan	Khoản mục	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
1. Công ty Cổ phần Phát triển Đường cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu	Phải thu khách hàng	5.344.910.180	4.069.005.060
2. Công ty Cổ phần Dầu tư Xây dựng và Du lịch IDICO	Phải thu khách hàng	129.409.703	129.407.703
3. Công ty TNHH MTV Kiểm định Xây dựng An Hòa	Phải thu khách hàng	24.958.512.872	-
Tổng		30.432.832.755	4.198.412.763

Số dư phải trả và phải trả khác các bên liên quan

Bên liên quan	Khoản mục	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
1. Tổng Công ty Dầu tư Phát triển Đô thị & KCN Việt Nam - TNHH Một thành viên	Phải trả khác	1.388.175.539	1.278.175.539
2. XN khai thác và KDVLXD IDICO-LINCO	Phải trả khác	150.765.923	108.605.924
3. Công ty Cổ phần Tư vấn Dầu tư IDICO	Phải trả khác	18.032.307	18.032.307
Tổng		1.556.973.769	1.404.813.770

6.1 Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Sân xuất và		kinh doanh VLXD			Tổng (VND)
	kinh doanh VLXD	Xây lắp	Cho thuê KCN	Dịch vụ khác	Tổng (VND)	
Tổng doanh thu	-	215.475.812.761	26.219.256.781	5.219.947.791	246.915.017.333	
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	1.270.987.797	4.556.344.089	(1.432.596.644)	4.394.735.242	
Trừ: Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	(4.183.856.872)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	210.878.370	
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	-	-	-	-	14.860.863.465	
Chi phí tài chính (không phân bổ)	-	-	-	-	(2.532.165.302)	
Thu nhập khác	-	-	-	-	(3.872.764.591)	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	8.666.811.942	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	(302.162.997)	
Lợi nhuận trong năm					8.364.648.945	

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Sân xuất và		kinh doanh VLXD			Tổng (VND)
	kinh doanh VLXD	Xây lắp	Cho thuê KCN	Dịch vụ khác	Tổng (VND)	
TÀI SẢN						
Tài sản cố định	-	350.230.398	246.740.327.701	61.445.447.317	308.536.005.416	
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	21.717.833.891	30.008.129.449	51.725.963.340	
Các khoản phải thu	-	42.698.216.791	11.580.877.373	9.903.687.911	64.182.782.075	
Hàng tồn kho	-	101.417.245.103	-	18.859.282	101.436.104.385	
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	218.478.129.583	
Tổng tài sản					744.358.984.799	
NỢ PHẢI TRẢ						
Các khoản phải trả	-	33.609.233.412	635.301.534.775	4.466.673.334	673.377.441.521	
Phải trả tiền vay	-	-	5.253.264.000	-	5.253.264.000	
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	736.758.989	
Tổng nợ phải trả					679.367.464.510	

ĐẠI BIỂU QUẢN LÝ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Sản xuất và		Cho thuê KCN	Dịch vụ khác	Tổng (VND)
	Sản xuất và	Xây lắp			
DOANH THU	kinh doanh VLXD	Xây lắp	Cho thuê KCN	Dịch vụ khác	Tổng (VND)
Tổng doanh thu	4.230.683.436	217.831.081.793	33.935.022.470	19.145.132.206	275.141.919.905
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	1.040.988.558	9.001.276.632	(1.508.615.330)	8.533.649.860
Trừ: Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	(6.325.708.917)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	2.207.940.943
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	-	-	-	-	15.437.061.451
Chi phí tài chính (không phân bổ)	-	-	-	-	(1.217.424.125)
Thu nhập khác	-	-	-	-	(4.383.603.973)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	12.043.974.296
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	(798.447.110)
Lợi nhuận trong năm					11.245.527.186

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Sản xuất và		Cho thuê KCN	Dịch vụ khác	Tổng (VND)
	Sản xuất và	Xây lắp			
TÀI SẢN	kinh doanh VLXD	Xây lắp	Cho thuê KCN	Dịch vụ khác	Tổng (VND)
Tài sản cố định	-	130.708.333	238.291.808.780	66.290.812.050	304.713.329.163
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	73.356.613.732	24.212.484.942	97.569.098.674
Các khoản phải thu	2.276.892.800	82.605.151.511	14.711.493.468	5.700.881.384	105.294.419.163
Hàng tồn kho	4.078.388.277	52.434.460.400	-	20.458.110	56.533.306.787
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	323.720.377.107
Tổng tài sản					887.830.530.894
NỢ PHẢI TRẢ					
Các khoản phải trả	2.365.524.400	112.558.290.687	688.614.387.009	7.953.683.539	811.491.885.635
Phải trả tiền vay	-	-	3.852.396.000	-	3.852.396.000
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	3.045.927.210
Tổng nợ phải trả					818.390.208.845

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.349.424.511	9.108.199.663
Phải thu khách hàng và phải thu khác	69.661.132.318	51.582.600.977
Đầu tư tài chính ngắn hạn	242.111.356.164	183.439.100.000
Tổng	369.121.912.993	244.129.900.640
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	3.852.396.000	5.253.264.000
Phải trả người bán và phải trả khác	30.104.937.212	27.375.463.588
Chi phí phải trả	8.961.393.226	3.118.116.821
Cộng	42.918.726.438	35.746.844.409

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Tại 31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	30.104.937.212	-	30.104.937.212
Chi phí phải trả	8.961.393.226	-	8.961.393.226
Các khoản vay	1.400.868.000	2.451.528.000	3.852.396.000
Tổng	40.467.198.438	2.451.528.000	42.918.726.438
Tại 01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	27.375.463.588	-	27.375.463.588
Chi phí phải trả	3.118.116.821	-	3.118.116.821
Các khoản vay	1.400.868.000	3.852.396.000	5.253.264.000
Tổng	31.894.448.409	3.852.396.000	35.746.844.409

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.349.424.511	-	57.349.424.511
Phải thu khách hàng và phải thu khác	69.661.132.318	-	69.661.132.318
Đầu tư tài chính ngắn hạn	242.111.356.164	-	242.111.356.164
Tổng	369.121.912.993	-	369.121.912.993
Tại 01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.108.199.663	-	9.108.199.663
Phải thu khách hàng và phải thu khác	51.358.855.977	223.745.000	51.582.600.977
Tổng	243.906.155.640	223.745.000	244.129.900.640

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.

Vũng Tàu, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Thị Lựu

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Lê Thanh Tùng